

Bản án số: 134/2019/HSST

Ngày: 25-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Vân

Cán bộ Tư pháp phường M– thành phố L

2. Ông Trần Thanh Việt

Chuyên viên Phòng giáo dục thành phố L

- Thư ký phiên tòa: **Ông Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: **Ông Lê Hoàng Phú Sang** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2019/TLST-HS ngày 14/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2019/QĐXXST-HS ngày 08/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Hồ Quý T, sinh năm 1978 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Tổ 6, khóm Xuân B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Thanh H(chết) và bà Nguyễn Thị Y (chết); Bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Thúy A và có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/3/2019 đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn G, sinh năm 1981 tại huyện T, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Tổ 8, khóm Xuân B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật;

Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Q và bà Dương Thị K; Bị cáo chung sống như vợ chồng với Trần Thị L và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/3/2019 đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Đặng Phước T**, sinh năm 1984 tại huyện T, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Tổ 18, khóm Xuân B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Phước T(chết) và bà Mai Tuyết T; Bị cáo có vợ tên Trần Thị N và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/3/2019 đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Quý T: Ông Nguyễn Tấn Tường – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 3, ấp N, xã Phú X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số 1037, tổ 9, khóm 4, thị trấn Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

3. Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ 4, khóm Xuân H, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt

4. Anh Trịnh Mạnh T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Số 263/3, ấp Bình L, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Vắng mặt

5. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số 237/CV, ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

6. Anh Chung Nhật N, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ 3, ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt

7. Anh Trần Phủ Lộc Â, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số 628, ấp 3, xã Bình Hàng T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

8. Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ 6, khóm Xuân B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Có mặt

9. Chị Trần Thị L, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Có mặt

10. Anh Huỳnh Trọng K, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ 6, khóm Xuân B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 04/02/2019, nhận được tin báo về tội phạm của quần chúng nhân dân, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, chức vụ Công an tỉnh An Giang phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh An Giang kiểm tra hành chính xe ô tô bán tải biển số 71C-066.13 do Hồ Quý T điều khiển chở Đặng Phước T và xe ô tô, loại 16 chỗ biển số 78B-004.35 do Trần Văn G điều khiển trên Quốc lộ 91, đoạn thuộc phường M, thành phố L, theo hướng L - C nhưng T và G không chấp hành hiệu lệnh mà tăng tốc chạy về hướng C. Lúc này, lực lượng Công an truy đuổi đến khu vực ấp V, thị trấn Vĩnh T, huyện V, thành phố Cần Thơ thì Thắng, Tuấn và Giàu dừng xe bỏ chạy. T và T bị bắt còn G chạy thoát. Qua kiểm tra 02 xe ô tô trên, lực lượng Công an phát hiện bên trong xe ô tô biển số 78B-004.35 có 97 bao chỉ nilon đựng 48.500 bao thuốc lá điều nhập lậu các hiệu Jet, Hero, Scott nên đã lập biên bản. Vật chứng thu giữ gồm: 30.500 bao thuốc lá điều hiệu Hero, 17.000 bao thuốc lá điều hiệu Jet, 1.000 bao thuốc lá điều hiệu Scott; xe ô tô biển số 78B-004.35, xe ô tô biển số 71C-066.13; 02 điện thoại di động hiệu Nokia 1030 gắn 04 sim số 0948.991.766, 0948.234.006, 0984.559.066, 0833.594.469 của Hồ Quý Thắng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1134 gắn sim số 0396.414.377 của Đặng Phước Tuấn; 74 hợp đồng vận chuyển khách bằng ô tô thu giữ trên xe ô tô biển số 78B-004.35; Giấy phép lái xe hạng E mang tên Lâm Quốc Kỳ P; 97 bao chỉ nilon và các giấy tờ cá nhân.

Ngày 10/3/2019, Trần Văn G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang đầu thú.

Đến ngày 20/3/2019, T, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang bắt tạm giam để điều tra và khám xét chỗ ở của Hồ Quý T tại tổ 6, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang phát hiện thu giữ: 01 túi xách nilon, 02 túi nilon màu đen, 01 bao chỉ nilon đựng 250 bao thuốc lá điều hiệu Hero, 220 bao thuốc lá điều hiệu Jet và 01 đầu ghi hình kỹ thuật số.

Ngày 22/3/2019, Trần Thị L (vợ của Trần Văn G) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Philips Xenium.

Kết luận giám định số 328/KLGT-PC09, số 329/KLGT-PC09 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang xác định:

Xe ô tô biển số 71C-066.13, có số khung 595786, số máy 121187 không bị đục sửa; Xe ô tô biển số 78B-004.35, có số khung R29386, số máy 4D243H không bị đục sửa.

Các Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 14/02/2019 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh An Giang, ngày 27/02/2019 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Bến Tre, ghi nhận: Xe ô tô biển số 71C-066.13, số khung 595786, số máy 121187, chủ xe Đặng Văn T; Xe ô tô biển số 72B-007.64, số khung R29386, số máy 4D243H, chủ xe Công ty cổ phần thương mại vận tải Quang Hưng; Xe ô tô biển số 78B-004.35, số khung 901789, số máy 130852, chủ xe Nguyễn Công L.

Cáo trạng số: 133/CT-VKS ngày 23/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, truy tố các bị cáo Hồ Quý T, Trần Ngọc G, Đặng Phước T về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 (đối với bị cáo Tuấn) Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị:

Xử phạt bị cáo Hồ Quý T từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”;

Xử phạt bị cáo Trần Văn G từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”;

Xử phạt bị cáo Đặng Phước T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 30.750 bao thuốc lá điều hiệu Hero, 17.220 bao thuốc lá điều hiệu Jet, 1.000 bao thuốc lá điều hiệu Scott, biển số 78B-004.35, 01 giấy Lệnh điều xe số 80/LĐX ngày 27 tháng 12 năm 2018, 01 hợp đồng ủy quyền lập ngày 09 tháng 11 năm 2018, 70 hợp đồng vận chuyển hành khách bằng ô tô, 01 giấy phép lái xe hạng E mang tên Lâm Quốc Kì P, 02 túi nilon màu đen, 01 túi xách nilon hiệu con cò, 98 bao chỉ nilon;

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1134 gắn sim số 0396.414.377 thu giữ của bị cáo Đặng Phước T, 02 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1030 gắn 04 sim số 0984.559.066, 0833.594.469, 0948.991.766, 0948.234.006 thu giữ của bị cáo Hồ Quý T, 01 điện thoại di động hiệu Philips Xenium thu giữ của bị cáo Trần Văn G. Các điện thoại này đều liên quan đến việc vận chuyển thuốc lá nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Trả cho bị cáo Hồ Quý T: Giấy phép lái xe hạng C mang tên Hồ Quý T, Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Hồ Quý T, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67F1-034.35 của chủ xe Hồ Quý Thắng, Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô biển số 67F1-034.35, Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ Quý T, 01 đầu ghi hình kỹ thuật số điện tử hiệu Questek;

Trả cho bị cáo Đặng Phước T: Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Phước T;

Trả cho anh Trần Phú Lộc A: 01 xe ô tô bán tải, biển số 71C-066.13 có số khung 595786, số máy 121187, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 71C-066.13, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới của chủ xe ô tô biển số 71C-066.13;

Trả cho chị Huỳnh Thị T: 01 xe ô tô 16 chỗ, có số khung R29386, số máy 4D243H, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 72B-007.64, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô biển số 72B-007.64.

* Bị cáo Đặng Phước T khai: Khoảng 22 giờ ngày 03/02/2019, người phụ nữ tên T (không rõ họ, địa chỉ) điện thoại thuê T vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu với tiền công 80.000 đồng/chuyến. Tuần điều khiển xe mô tô của Tiên đến bãi đất trống cặp kênh Vĩnh Tế, khóm Xuân B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang nhận 02 túi nilon bên trong có 1.000 gói thuốc lá để vận chuyển đến khu vực chợ Ba Chúc, thị trấn Ba Chúc, huyện T, tỉnh An Giang giao cho khách của T. Sau khi giao xong, T điện thoại cho T thì T tiếp tục thuê Tuấn vận chuyển thuốc lá và đi canh đường cùng với T. Do thiếu người chở thuốc lá nên T lấy xe mô tô của T điều khiển cùng với L, P, C (không rõ họ, địa chỉ) đến bãi đất trống cặp bờ kênh Vĩnh Tế nhận thuốc lá rồi chở đến kho Sáu Thạnh thì thấy K (không rõ họ, địa chỉ) đang canh giữ kho. Lúc này, Tuấn thấy P, T Bọng (không rõ họ, địa chỉ) khiêng thuốc lá lên xe ô tô biển số 78B-004.35. Sau khi chở thuốc lá bằng xe mô tô được 02 chuyến thì Thắng kêu T lên xe ô tô biển số 71C-066.13 do T điều khiển để đi trước canh đường cho xe ô tô biển số 78B-004.85

do Giàu điều khiển. Khoảng cách giữa 02 xe khoảng 02km, khi đến khu vực ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ thì bị Công an kiểm tra thu giữ số thuốc lá như nội dung vụ án đã nêu. Ngoài lần trên, T tham gia vận chuyển thuốc lá từ giữa tháng 12/2018 đến ngày 04/02/2019, T đã tham gia canh đường vận chuyển thuốc lá cho Thắng khoảng 15 lần. Nhiệm vụ của T là cùng với T điều khiển xe ô tô chạy trước xe ô tô chở thuốc lá để quan sát, nếu phát hiện lực lượng chức năng thì T sẽ điện thoại thông báo cho người điều khiển xe ô tô chở thuốc lá phía sau biết để né tránh, địa điểm giao thuốc lá là ở thành phố Cần Thơ, mỗi lần dẫn đường Thắng trả công cho Tuấn 300.000 đồng. Điện thoại di động hiệu Nokia 1134 gắn sim số 0396.414.377 là của T sử dụng để liên lạc với T và T trong quá trình vận chuyển thuốc lá.

* Bị cáo Trần Văn G khai: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 03/02/2019, Hồ Quý T điện thoại thuê G đến kho Sáu Thạnh gần đình thần An Phú, khóm Xuân B, huyện T, tỉnh An Giang điều khiển xe ô tô chở thuốc lá nhập lậu đến thành phố Cần Thơ thì G đồng ý. Đến đây, Giàu thấy T đang ngồi cách kho Sáu Thạnh khoảng 20m nên G đến ngồi cùng với T chờ đem thuốc lá lên xe. Lúc này, G thấy Đặng Phước T và 03 người không rõ họ tên, địa chỉ điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở nhiều bao nilon đựng thuốc lá từ khu vực kênh Vĩnh Tế vào kho Sáu Thạnh cho 02 người không rõ họ tên, địa chỉ khiêng lên xe ô tô, loại 16 chỗ biển số 78B-004.35. Đến khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, Thắng điều khiển xe ô tô biển số 71C-066.13 chở T đi trước và bảo G khi nào xe đầy thuốc lá thì điện thoại cho T để T dẫn đường đi giao. Sau đó, K (không rõ họ, địa chỉ) đến cho G biết đã khiêng thuốc lá lên xe xong nên G điều khiển xe ô tô biển số 78B-004.35 đi Cần Thơ. Trên đường đi, G nhiều lần điện thoại cho T để T chỉ đường vì xe của T và T chạy trước canh đường. Khi xe đến khu vực phường M, thành phố L, tỉnh An Giang thì xe của G bị Công an ra tín hiệu dừng xe nhưng G không chấp hành mà tăng tốc bỏ chạy về hướng thành phố Cần Thơ. Khi đến khu vực ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ, nghĩ rằng Công an không truy đuổi kịp nên xe của T và G dừng lại, xe của T đậu cách xe của G khoảng 10m. Lúc này thấy lực lượng Công an đến nên G bỏ chạy để lại xe. Ngoài lần trên, vào các ngày 30 và 31/01/2019, Giàu đã điều khiển xe ô tô vận chuyển thuốc lá thuê cho T từ huyện T, tỉnh An Giang đến thành phố Cần Thơ giao trót lọt 02 lần, mỗi lần T trả tiền công cho Giàu 3.000.000 đồng. Ngoài ra, từ tháng 12/2018 đến ngày 29/01/2019, T nhiều lần thuê G điều khiển xe ô tô chở T, T đi canh đường cho xe chạy phía sau vận chuyển thuốc lá, những lần này thì T trả công cho G 700.000 đồng/chuyến. Khi đến địa điểm giao thuốc lá ở thành phố Cần Thơ, Giàu xuống xe còn T, T ở lại giao thuốc lá cho ai thì G

không biết. Ngày 07/01/2019, T sử dụng xe ô tô biển số 78B-004.35 tổ chức đi du lịch ở thành phố H, tỉnh Kiên Giang và rủ G cùng đi. Sau đó, G thuê Lý Thanh H điều khiển xe ô tô này chở G, T, Nguyễn Thị Thúy A (vợ của T), D, M, L và C (không rõ họ, địa chỉ) nên trong hợp đồng số 021/HĐ ngày 07/01/2019 bị Công an thu giữ trên xe ô tô biển số 78B-004.35 là do G ghi và ký tên thuê xe. Điện thoại di động hiệu Philips Xenium gắn sim số 0845.222.846 là của G sử dụng để liên lạc trao đổi với T trên đường đi vận chuyển thuốc lá, còn sim điện thoại đã bể gãy trong lúc chạy tẩu thoát.

* Bị cáo Hồ Quý T khai: Khoảng 23 giờ ngày 03/02/2019, người tên Khol (không rõ họ) nhà ở Vương quốc Campuchia điện thoại thuê T đi canh đường cho xe của Khol vận chuyển thuốc lá đem giao tại thành phố Cần Thơ, T đồng ý và điện thoại thuê thêm Đặng Phước T đi theo để cùng canh giới, canh đường với T. T trả cho Tuấn 300.000 đồng/lần canh đường vận chuyển thuốc lá. Sau đó, T đến khu vực gần Ban nhân dân khóm Xuân B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang điều khiển xe ô tô biển số 71C-066.13 chở T chạy trước để canh đường cho xe ô tô biển số 78B-004.35 do Trần Văn G điều khiển chở thuốc lá phía sau. Trên đường đi T và G liên tục điện thoại liên lạc trao đổi thông báo về hành trình vận chuyển thuốc lá. Khi đến khu vực ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ thì xe của Thắng và Giàu dừng lại, cùng lúc Công an đến kiểm tra phát hiện thu giữ 48.500 bao thuốc lá điều nhập lậu trên xe do G điều khiển. Số thuốc lá này do Khol thuê T vận chuyển đến thành phố Cần Thơ với tiền công 1.000.000 đồng.

Ngày 07/01/2019, T, Nguyễn Thị Thúy A (vợ của T) đi du lịch ở thành phố H, tỉnh Kiên Giang cùng với Trần Văn G, L, C, D, M (không rõ họ, địa chỉ) bằng xe ô tô 16 chỗ không rõ biển số, xe này Thắng không biết có nguồn gốc từ đâu, không rõ do ai thuê, chỉ biết chuyến đi này L là người tổ chức và rủ vợ chồng T cùng đi. Giấy phép lái xe hạng E mang tên Lâm Quốc Kỳ P là T thuê người không rõ họ tên, địa chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh làm giả với số tiền 2.500.000 đồng để Thắng sử dụng. Hai điện thoại di động hiệu Nokia 1030 gắn 04 sim số 0948.991.766, 0948.234.006, 0984.559.066, 0833.594.469 bị Công an thu giữ là do Khol đưa cho T để liên lạc trao đổi trong quá trình vận chuyển.

Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, bị cáo G, T, T không có ý kiến tranh luận, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, trình bày:

Đặng Văn T: Khoảng tháng 6/2018, anh T mua xe ô tô biển số 51C-

286.73 tại Cơ sở kinh doanh ô tô H ở Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, đăng ký biển số mới là 71C-066.13. Đến khoảng tháng 10/2018, T bán xe này cho anh Chung Nhật N. Khi mua bán xe với N, anh T có ký tên vào hợp đồng mua bán xe nhưng trong hợp đồng không ghi tên người mua xe. Sau đó, Nam bán lại xe cho Trần Phú Lộc A và sử dụng hợp đồng mua bán xe với Tâm ghi tên mua là A.

Nguyễn Thị Thúy A (vợ bị cáo T): Ngày 20/3/2019, Công an khám xét phát hiện, thu giữ số thuốc lá trong nhà của chị nhưng không biết của ai, chị không biết việc T tham gia vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu.

Trần Thị L khai (vợ bị cáo G): G làm thuê cho T với nhiệm vụ là điều khiển xe ô tô chở T đi trước cảnh giới cho xe vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu chạy phía sau để đi giao cho khách ở Cần Thơ. Chị L nhiều lần can ngăn G đừng tham gia nhưng G không nghe.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra:

Nguyễn Đức D khai: Ông D là giám đốc Hợp tác xã dịch vụ vận tải Phương Lâm, trụ sở tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, kinh doanh nhiều ngành, nghề trong đó có vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng. Ngày 08 tháng 01 năm 2008, anh Nguyễn Thành T là chủ sở hữu xe ô tô biển số 72B-007.64 đưa xe này vào Hợp tác xã để hoạt động vận tải hành khách nhưng do khi mua xe, anh T chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu nên khi đăng ký thành viên và ký hợp đồng dịch vụ giữa Hợp tác xã với anh T thì để tên là Công ty thương mại vận tải Quang Hưng cho phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký xe. Đối với 74 hợp đồng vận chuyển hành khách bị Công an thu giữ là do Hợp tác xã phát hành, chữ ký tên Nguyễn Đức D là do ông D ký và đóng dấu nhưng chưa ghi nội dung hợp đồng, tất cả hợp đồng này ông D đã giao cho anh T quản lý, sử dụng (BL 327 – 332).

Chung Nhật N khai: Khoảng tháng 10/2018, anh Nam có mua của anh Đặng Văn T 01 xe ô tô biển số 71C-066.13, anh T có ký tên vào hợp đồng mua bán xe nhưng trong hợp đồng không ghi tên người mua xe. Sau đó, anh N bán lại xe cho Trần Phú Lộc A và sử dụng hợp đồng mua bán xe với Tâm ghi tên mua là A (BL 226 – 234)

Trần Phú Lộc A, Nguyễn Thị Thúy A (L) khai: Ngày 09 tháng 11 năm 2018, A mua xe ô tô biển số 71C-066.13 của Chung Nhật N nhưng trong hợp đồng mua bán xe ghi tên người bán Đặng Văn T là người đứng tên trong giấy

chứng nhận đăng ký xe. A chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu xe. Ngày 03 tháng 02 năm 2019, qua sự giới thiệu của Thúy A, A cho bà RySoKhan (Khol) thuê xe ô tô biển số 71C-066.13 trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2019 với giá 800.000 đồng/ngày. A yêu cầu nhận lại xe ô tô (BL 236 – 275).

Nguyễn Thành T, Phạm Hoàng S, Huỳnh Thị T khai: Khoảng cuối năm 2016, anh T mua xe ô tô biển số 72B-007.64 của anh Phạm Đình V là giám đốc Công ty cổ phần thương mại vận tải Quang Hưng ở thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhưng chưa sang tên chủ sở hữu. Đến khoảng tháng 01/2018, T đưa xe này vào Hợp tác xã dịch vụ vận tải Phương Lâm làm thành viên để xe có phù hiệu và hợp đồng vận chuyển hành khách. 74 hợp đồng vận chuyển hành khách bị Công an thu giữ có sẵn chữ ký của ông Nguyễn Đức D là do ông D đưa cho anh T để khi có khách thuê xe thì anh T không cần phải gặp ông D để ký tên. Từ lúc đăng ký thành viên với Hợp tác xã, T đã thuê S điều khiển xe ô tô biển số 72B-007.64 được 01 lần vào ngày 27 tháng 12 năm 2018 để chở khách đi đám cưới tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 02 tháng 01 năm 2019, anh T bán xe ô tô này cho chị Huỳnh Thị T ở huyện T, tỉnh An Giang và đưa cho chị T sổ hợp đồng vận chuyển hành khách còn lại để chị T quản lý, sử dụng. Ngày 24/01/2019, qua sự giới thiệu của Hồ Duy K, T cho Trịnh Mạnh T thuê xe ô tô biển số 72B-007.64 với giá 15.000.000 đồng/01 tháng. T không biết ai đã thay biển số xe 72B-007.64 bằng biển số 78B-004.35, chị Tú yêu cầu nhận lại xe ô tô (BL 291 – 345).

Trịnh Mạnh T, Lê Thị Kim L (mẹ ruột T) khai: Đầu năm 2016, T đã xuất gia đi tu tại chùa Thiên K, thành phố T, tỉnh Long An nên Tiến không thuê xe ô tô biển số 72B-007.64 của Huỳnh Thị T. Trước đó vào năm 2014, L và T đi chơi tại huyện T, tỉnh An Giang thì T có làm rơi cái bóp, bên trong có giấy chứng minh nhân dân của T nhưng Tiến không đến Công an trình báo mà đã làm lại giấy chứng minh nhân dân khác (BL 348 – 364).

Nguyễn Văn T (Sáu T) khai: Thạnh là chủ kho xay lúa tại khóm Xuân B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Kho này, T không cho người khác thuê và cũng không chứa hàng hóa gì (BL 375 – 377).

Lý Thanh H khai: Ngày 07/01/2019, Trần Văn G thuê H điều khiển xe ô tô, loại 16 chỗ biển số 72B-007.64 chở G, T và 05 người không rõ họ tên, địa chỉ từ T, An Giang đi đến thành phố H, tỉnh Kiên Giang rồi quay về trong ngày (BL 385 – 387).

Huỳnh Trọng K khai: Khang không tham gia vận chuyển, buôn bán thuốc

lá điều nhập lậu. Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 05/02/2019, Khang đến khu vực phường N, thành phố C, tỉnh An Giang để bán nhang (BL 799 – 800).

* Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày quan điểm tranh luận: Thống nhất với Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ không nghề nghiệp ổn định nên bị cáo đã tham gia vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu được pháp luật cấm mua bán, vận chuyển để có thu nhập lo cho gia đình, bị cáo có anh ruột là liệt sĩ và theo xác nhận của chính quyền địa phương, con ruột của bị cáo chậm phát triển về thể chất, tinh thần, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt nên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

* Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Phần quan điểm tranh luận của người bào chữa phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát nên không tranh luận thêm. Tuy nhiên, đối với hoàn cảnh, người thân của bị cáo có công với cách mạng đã được xem xét và đề nghị áp dụng tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, còn về khung hình phạt trong điều luật sẽ do Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiêu nại.

[2] Về thủ tục tố tụng

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát không ý kiến về việc vắng mặt của những người này và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy quá trình điều tra, Cơ quan điều tra – Công an thành phố L đã tiến hành lấy lời khai, làm rõ các tình tiết vụ án nên việc vắng mặt nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự

Ngày 04/02/2019, Hồ Quý T điều khiển xe ô tô biển số 71C-066.13 chở

Đặng Phước T và Trần Văn G điều khiển xe ô tô, loại 16 chỗ biển số 78B-004.35 vận chuyển 97 bao chỉ bên trong 48.500 bao thuốc lá điều nhập lậu bị Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, chức vụ - Công an tỉnh An Giang kiểm tra hành chính phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Ngày 20/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang khám xét chỗ ở của Hồ Quý T tại tổ 6, khóm Xuân B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang phát hiện thu giữ: 01 túi xách nilon, 02 túi nilon màu đen, 01 bao chỉ nilon đựng 250 bao thuốc lá điều hiệu Hero, 220 bao thuốc lá điều hiệu Jet. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố các bị cáo Hồ Quý T, Trần Văn G, Đặng Phước T theo khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 05 tháng đến 10 năm tù là có căn cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Quý T từ 06 năm đến 07 năm tù, Trần Văn G từ 05 năm đến 06 năm tù, Đặng Phước T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 191 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài hành vi bị truy tố nêu trên, các bị cáo Trần Văn G, Đặng Phước T khai đã nhiều lần cùng T vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu nhưng không xác định được số lượng của những lần vận chuyển này nên không có căn cứ để quy kết trách nhiệm hình sự G, T, T về những lần vận chuyển hàng cấm này

Lời khai của bị cáo G, T đối với Huỳnh Thị Mộng C, Tống Thị Mỹ L, Đoàn Văn T (P), Trịnh Thanh T (TB), Nguyễn Văn Châu T (C), Nguyễn Thiên P và Huỳnh Thị Mỹ X (T); Lời khai của T đối với RySoKhan; người tên L và những người vận chuyển, nhận thuốc lá điều nhập lậu. Do không xác định được nhân thân, nơi cư trú của những người này, ngoài lời khai của của các bị cáo ra không còn chứng cứ nào khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ xử lý sau.

Bị cáo Hồ Quý T có hành vi làm giả giấy phép lái xe nhưng chưa xác định được nhân thân người thực hiện nên Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ xử lý sau.

Trần Thị L biết Trần Văn G thực hiện hành vi vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu nhưng không tố giác là vi phạm pháp luật. Nhưng L là vợ của G nên

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L về hành vi không tố giác tội phạm là có căn cứ.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Các bị cáo là đang ở độ tuổi trung niên, khỏe mạnh và nhận thức được hành vi của bản thân. Lẽ ra các bị cáo tìm công việc phù hợp để tạo ra thu nhập chân chính để nuôi sống bản thân và gia đình, sống có ích cho xã hội nhưng ngược lại, các bị cáo muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên đã lợi dụng giao thương thuận lợi giữa biên giới Việt Nam – Campuchia, cửa khẩu Xuân Tô – Tịnh Biên để thực hiện hành vi mua bán, vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu, là loại hàng hóa nằm trong danh mục Nhà nước cấm mua bán vận chuyển vào nội địa Việt Nam với mọi hình thức nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều này thể hiện các bị cáo liều lĩnh, xem thường pháp luật. Mặt khác, nhằm để tránh sự truy quét của các cơ quan chức năng, khi vận chuyển hàng cấm bằng xe ô tô bị sẽ cáo điều khiển xe với tốc độ cao, nếu không làm chủ được tay lái, bị cáo có thể gây tai nạn giao thông, gây tổn hại sức khỏe cho người tham gia giao thông và chính bị cáo, là gánh nặng của gia đình và xã hội. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính, Điều luật còn quy định về hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền nhưng các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, điều này thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Trong vụ án này, bị cáo T tổ chức và phân công nhiệm vụ G điều khiển xe ô tô chở 48.500 bao thuốc lá điều nhập lậu chạy phía sau, còn T và T điều khiển xe ô tô chạy phía trước làm nhiệm vụ canh đường, phát tín hiệu khi có lực lượng Công an. Hành vi của các bị cáo là phạm tội tổ chức thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét tính chất mức độ của từng bị cáo, T phạm tội chủ mưu, còn G, T phạm tội với vai trò đồng phạm thực hành nên khi áp dụng hình phạt đối với T sẽ cao hơn G và T.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, thuộc trường hợp người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo T, T có công với cách mạng, bị cáo G đầu thú. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra - Công an thành phố L có chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố L theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/10/2019 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xem xét, xử lý vật chứng như sau:

30.750 bao thuốc lá điều hiệu Hero, 17.220 bao thuốc lá điều hiệu Jet, 1.000 bao thuốc lá điều hiệu Scott, biển số 78B-004.35, 01 giấy Lệnh điều xe số 80/LĐX ngày 27 tháng 12 năm 2018, 01 hợp đồng ủy quyền lập ngày 09 tháng 11 năm 2018, 70 hợp đồng vận chuyển hành khách bằng ô tô, 01 giấy phép lái xe hạng E mang tên Lâm Quốc Kì P, 02 túi nilon màu đen, 01 túi xách nilon hiệu con cò, 98 bao chỉ nilon. Đây là hàng cấm và các dụng cụ dùng vào phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1134 gắn sim số 0396.414.377 thu giữ của bị cáo Đặng Phước T, 02 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1030 gắn 04 sim số 0984.559.066, 0833.594.469, 0948.991.766, 0948.234.006 thu giữ của bị cáo Hồ Quý T, 01 điện thoại di động hiệu Philips Xenium thu giữ của bị cáo Trần Văn G. Các điện thoại này đều liên quan đến việc vận chuyển thuốc lá nên đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

Giấy phép lái xe hạng C mang tên Hồ Quý T, Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Hồ Quý T, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67F1-034.35 của chủ xe Hồ Quý T, Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô biển số 67F1-034.35, Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ Quý T, 01 đầu ghi hình kỹ thuật số điện tử hiệu Questek. Đây là tài sản và vật dụng cá nhân nên trả lại cho bị cáo Hồ Quý T;

Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Phước T nên trả lại cho bị cáo T;

01 xe ô tô bán tải, biển số 71C-066.13 có số khung 595786, số máy 121187, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 71C-066.13, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, Giấy chứng

nhận bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới của chủ xe ô tô biển số 71C-066.13. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của Trần Phú Lộc A nên trả lại cho anh A;

01 xe ô tô 16 chỗ, có số khung R29386, số máy 4D243H, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 72B-007.64, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô biển số 72B-007.64. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu Huỳnh Thị T nên trả lại cho chị T.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Quý T, Trần Văn G, Đặng Phước T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”

Căn cứ vào: điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 47, Điều 54, Điều 58, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 106; Điều 136; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức D, Nguyễn Thành T, Huỳnh Thị T, Trần Mạnh T, Chung Nhật N, Huỳnh Trọng K.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt:

Bị cáo Hồ Quý T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2019.

Bị cáo Trần Văn G 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2019.

Bị cáo Đặng Phước T 02 (hai) 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2019.

[2] Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác

Tịch thu tiêu hủy: 30.750 bao thuốc lá điều hiệu Hero, 17.220 bao thuốc lá

điều hiệu Jet, 1.000 bao thuốc lá điều hiệu Scott, biển số 78B-004.35, 01 giấy Lệnh điều xe số 80/LĐX ngày 27 tháng 12 năm 2018, 01 hợp đồng ủy quyền lập ngày 09 tháng 11 năm 2018, 70 hợp đồng vận chuyển hành khách bằng ô tô, 01 giấy phép lái xe hạng E mang tên Lâm Quốc Kỳ Phi, 02 túi nilon màu đen, 01 túi xách nilon hiệu con cò, 98 bao chỉ nilon;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1134 gắn sim số 0396.414.377 thu giữ của bị cáo Đặng Phước T, 02 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1030 gắn 04 sim số 0984.559.066, 0833.594.469, 0948.991.766, 0948.234.006 thu giữ của bị cáo Hồ Quý T, 01 điện thoại di động hiệu Philips Xenium thu giữ của bị cáo Trần Văn G.

Trả cho bị cáo Hồ Quý T: Giấy phép lái xe hạng C mang tên Hồ Quý T, Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Hồ Quý T, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67F1-034.35 của chủ xe Hồ Quý T, Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô biển số 67F1-034.35, Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ Quý T, 01 đầu ghi hình kỹ thuật số điện tử hiệu Questek;

Trả cho bị cáo Đặng Phước T: Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Phước T;

Trả cho anh Trần Phú Lộc A: 01 xe ô tô bán tải, biển số 71C-066.13 có số khung 595786, số máy 121187, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 71C-066.13, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới của chủ xe ô tô biển số 71C-066.13;

Trả cho chị Huỳnh Thị T: 01 xe ô tô 16 chỗ, có số khung R29386, số máy 4D243H, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 72B-007.64, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô biển số 72B-007.64.

(Xử lý vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/10/2019 giữa Cơ quan quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố L với Chi cục thi hành án dân sự thành phố L).

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- NCQL và NVLQ;
- Chi cục T.H.A TPL;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPL;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam